PHỤ LỤC

Số lượng người làm việc và tạm giao hợp đồng lao động chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP trong các đơn vị trực thuộc Sở GD&ĐT Thái Nguyên, năm 2025

(Kèm theo Quyết định số 221/QĐ-SGDĐT ngày 01/7/2025 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thái nguyên)

TT	Đơn vị	Số lượng người làm việc (Biên chế viên chức)	HĐLĐ chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP	
			Giáo viên	Nhân viên
1	*2*	*3*	*4*	*5*
	Tổng số	**3170**	**302**	**109**
I	**Khối Trường THCS&THPT; THPT**	**2414**	**201**	**76**
1	Trường THPT Định Hóa	85	8	2
2	Trường THPT Bình Yên	49	11	2
3	Trường THPT Yên Ninh	31	4	3
4	Trường THPT Phú Lương	84	4	1
5	Trường THPT Tức Tranh	40	14	5
6	Trường THPT Khánh Hòa	62	1	1
7	Trường THPT Đội Cấn	39	14	4
8	Trường THPT Đại Từ	86	3	2
9	Trường THPT Nguyễn Huệ	85	12	2
10	Trường THPT Lưu Nhân Chú	60	9	3
11	Trường THPT Hoàng Quốc Việt	45	7	4
12	Trường THPT Võ Nhai	44	3	3
13	Trường THPT Trần Phú	32	3	3
14	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	47	1	3
15	Trường THPT Đồng Hỷ	100	2	2
16	Trường THPT Trại Cau	48	11	3
17	Trường THPT Lương Phú	70	11	2
18	Trường THPT Phú Bình	91	14	3
19	Trường THPT Điềm Thụy	72	11	2
20	Trường THPT Lý Nam Đế	49	8	4
21	Trường THPT Phổ Yên	58	3	2
22	Trường THPT Lê Hồng Phong	95	7	2
23	Trường THPT Bắc Sơn	61	9	3
24	Trường THPT Sông Công	79	13	2
25	Trường THPT Dương Tự Minh	56	3	3
26	Trường THPT Ngô Quyền	75	1	2
27	Trường THPT Lương Ngọc Quyến	108	1	3
28	Trường THPT Gang Thép	78	1	2
29	Trường THPT Chu Văn An	58	4	3
30	Trường THPT Bắc Kạn	69		
31	Trường THPT Chợ Đồn	54	2	
32	Trường THPT Chợ Mới	46		
33	Trường THPT Ngân Sơn	27		

TT	Đơn vị	Số lượng người làm việc (Biên chế viên chức)	HĐLĐ chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP	
			Giáo viên	Nhân viên
1	*2*	*3*	*4*	*5*
34	Trường THPT Ba Bể	52		
35	Trường THPT Na Rì	48	2	
36	Trường THPT Phủ Thông	33		
37	Trường THPT Bộc Bố	43	2	
38	Trường THCS&THPT Nà Phặc	41	1	
39	Trường THCS&THPT Yên Hân	39	1	
40	Trường THCS&THPT Quảng Khê	38		
41	Trường THCS&THPT Bình Trung	37		
II	**Khối trường THPT Chuyên**	**184**	**7**	**3**
1	Trường THPT Chuyên Bắc Kạn	62	1	
2	Trường THPT Chuyên Thái Nguyên	122	6	3
III	**Khối trường PTDTNT THPT**	**95**	**1**	**3**
1	Trường PTDTNT THPT Số 1 Thái Nguyên	53	1	3
2	Trường PTDTNT THPT Số 2 Thái Nguyên	42		
IV	**Khối trung tâm HTPTGDHN**	**65**	**3**	**14**
1	Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập Bắc Kạn	26		3
2	Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập Thái Nguyên	39	3	11
V	**Khối trung tâm GDTX, GDNN-GDTX**	**412**	**90**	**13**
1	Trung tâm Giáo dục thường xuyên Thái Nguyên	80	14	3
2	Trung tâm Giáo dục thường xuyên Bắc Kạn	23		
3	Trung tâm GDNN-GDTX Ba Bể	12		
4	Trung tâm GDNN-GDTX Bạch Thông	12		
5	Trung tâm GDNN-GDTX Chợ Đồn	12		
6	Trung tâm GDNN-GDTX Chợ Mới	11		
7	Trung tâm GDNN-GDTX Na Rì	12		
8	Trung tâm GDNN-GDTX Ngân Sơn	12		
9	Trung tâm GDNN-GDTX Pác Nặm	11		
10	Trung tâm GDNN-GDTX Phổ Yên	23	18	3
11	Trung tâm GDNN-GDTX Sông Công	20	0	
12	Trung tâm GDNN-GDTX Định Hóa	24	13	2
13	Trung tâm GDNN-GDTX Phú Lương	31	15	2
14	Trung tâm GDNN-GDTX Đại Từ	49	10	
15	Trung tâm GDNN-GDTX Võ Nhai	24	3	
16	Trung tâm GDNN-GDTX Đồng Hỷ	25	3	3
17	Trung tâm GDNN-GDTX Phú Bình	31	14	